BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 005423 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04169.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-01

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 09/03/2021

Người gửi mẫu : Châu Thúy An

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	10/03/2021
2	*Salmonella spp.*	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	10/03/2021

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-03-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Th.s Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 025711 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23373.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-57

Ngày lấy mẫu : 12/11/2020

Lượng mẫu : 01 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 12/11/2020

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	14/11/2020
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	14/11/2020
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	14/11/2020
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/11/2020

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23-11-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 025712 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23374.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-57

Ngày lấy mẫu : 12/11/2020

Lượng mẫu : 01 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 12/11/2020

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	13/11/2020
2	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	13/11/2020
3	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	13/11/2020
4	Ochratoxin A	HD.PP.17-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	13/11/2020
5	Zearalenone	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	16/11/2020
6	Deoxynivalenol	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 55 µg/kg	16/11/2020

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23-11-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 025713 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23375.20

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-57

Ngày lấy mẫu : 12/11/2020

Lượng mẫu : 01 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 12/11/2020

Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	16/11/2020

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23-11-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 005425 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04171.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-01

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 09/03/2021

Người gửi mẫu : Châu Thúy An

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/03/2021
3	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	10/03/2021
4	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/03/2021
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	12/03/2021
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	14/03/2021
7	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/03/2021
8	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	14/03/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
9	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/03/2021
10	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2021
11	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2021
12	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2021
13	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/03/2021
14	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/03/2021
15	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	15/03/2021
16	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2021
17	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/03/2021
18	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	11/03/2021
19	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	15/03/2021
20	Diminazen	Ref. J.AOAC,Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	15/03/2021
21	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	13/03/2021
22	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	13/03/2021
23	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
24	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
25	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
26	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
27	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	15/03/2021
28	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	13/03/2021
29	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
30	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	14/03/2021
31	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/03/2021

Mã số mẫu: 04171.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
32	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/03/2021
33	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	17/03/2021
34	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/03/2021
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	12/03/2021
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	12/03/2021
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	12/03/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-03-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Th.s Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 005424/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04170.21

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **KEM ỐC QUẾ MATCHA ĐẬU ĐỎ - DELIGHT**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-01

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 04 cây x 68 g

Ngày nhận mẫu : 09/03/2021

Người gửi mẫu : Châu Thúy An

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bioresmethrin	Ref.AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/03/2021
2	Diclorvos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
3	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/03/2021
4	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	12/03/2021
5	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/03/2021
6	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
7	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/03/2021
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	12/03/2021
9	Chlorantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
10	Clothianidin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/03/2021
11	Cycloxydime	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Emamectin benzoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	13/03/2021
13	Fenamidone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
14	Fluxapyroxad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
15	Haloxyfop	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/03/2021
16	Imazamox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
17	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
18	Spinetoram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
19	Thiamethoxam	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
20	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
21	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
22	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	16/03/2021
23	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/03/2021
24	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	14/03/2021
25	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	14/03/2021
26	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	16/03/2021
27	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
28	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	14/03/2021
29	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
30	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
31	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021
32	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/03/2021
33	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	12/03/2021
34	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	12/03/2021
35	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	12/03/2021
36	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	12/03/2021
37	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	14/03/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	12/03/2021

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-03-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Th.s Phan Bích Hà

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	**743-2021-00023029**
Mã số kết quả	**AR-21-VD-025258-01-VI / EUVNHC-00130414**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

TP. Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu:	Kem ốc quế matcha đậu đỏ-Delight/ Matcha ice cream with red beans-Delight Ký hiệu mẫu: V-K-01/ Sample code: V-K-01
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	24/03/2021
Thời gian thử nghiệm:	24/03/2021 - 29/03/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	29/03/2021
Mã số PO của khách hàng :	I2N2210324307

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD28P VD **Sulfuryl fluoride**	mg/kg	AOAC 975.08 Mod	**Không phát hiện (LOD=0.05)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H. QUẬN 9 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 29/03/2021

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.